

BẢN TIN
Thông tin

Khoa học
& Công nghệ
PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

Số: 03/2018

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ



QUYẾT ĐỊNH SỐ 19/2018/QĐ-TTg:
QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ,
THỦ TỤC CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP
NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO



Trưởng Ban biên tập
Nguyễn Bình

Ban biên tập
Thái Thị Nga
Võ Thị Minh Ngọc
Nguyễn Thị Hòa
Trần Thị Phương

Trình bày
Nguyễn Sỹ Tiến

Ảnh bìa:
<http://medium.com>

TRONG SỐ NÀY

CƠ CHẾ - CHÍNH SÁCH

- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg: Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP: Quy định mới về xử phạt vi phạm đối với lượng của hàng đóng gói sẵn trong sản xuất hoặc nhập khẩu (*tiếp theo số 2.2018*)
- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
- Nghị định số 58/2018/NĐ-CP: Khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm nông nghiệp
- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP: Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Nghị định số 55/2018/NĐ-CP: Phạt đến 200 triệu đồng vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón

SỞ HỮU TRÍ TUỆ VỚI DOANH NGHIỆP

- Tạo đáng sản phẩm

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

- Danh mục Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam mới ban hành
- Quyết định công bố Tiêu chuẩn Quốc gia
- Quyết định hủy bỏ Tiêu chuẩn Quốc gia
- Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành

CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI

- Máy cho cá ăn tự động tích hợp công nghệ IoT
- Thiết kế và chế tạo bộ điều khiển đầu đốt tang sấy cốt liệu trong trạm trộn bê tông nhựa nóng

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

- Những rủi ro pháp lý Startup cần biết
- 7 công ty khởi nghiệp của Việt Nam vào vòng bán kết Chương trình Tăng tốc khởi nghiệp MIST 2018

QUYẾT ĐỊNH SỐ 19/2018/QĐ-TTg: QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Ngày 19/4/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg về việc quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao sẽ được xác định theo 04 tiêu chí bao gồm: Ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển. Tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng, năng suất, giá trị và hiệu quả cao, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ đạt ít nhất 60% tổng doanh thu thuần hàng năm; Có hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp; tổng chi cho hoạt động nghiên cứu đạt ít nhất 0,5%; số lao động có trình độ đại học trở lên trực tiếp nghiên cứu đạt ít nhất 2,5%; Áp dụng các biện pháp thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế.

Cũng theo Quyết định này, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có hiệu lực 05 năm, kể từ ngày cấp. Trước khi Giấy chứng nhận này hết hiệu lực 45 ngày, doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị cấp lại.

UBND tỉnh có trách nhiệm cấp, thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho doanh nghiệp đăng ký trên địa bàn tỉnh; quản lý, giám sát hoạt động của doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; kiến nghị địa phương khác hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn thu hồi Giấy chứng nhận khi doanh nghiệp vi phạm trên địa bàn tỉnh. Định kỳ, hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo kết quả công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại địa phương, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ ngành liên quan để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05/6/2018./.

NGHỊ ĐỊNH SỐ 119/2017/NĐ-CP: QUY ĐỊNH MỚI VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM ĐỐI VỚI LƯỢNG CỦA HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN TRONG SẢN XUẤT HOẶC NHẬP KHẨU (tiếp theo số 2.2018)

Ng nghị định số 119/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa ban hành ngày 01/11/2017 và có hiệu lực từ ngày 15/12/2017. Bản tin Thông tin KH&CN phục vụ doanh nghiệp số 3.2018 xin trích dẫn các nội dung tại Điều 15 của Nghị định số 119/2017/NĐ-CP liên quan đến vi phạm đối với lượng của hàng đóng gói sẵn trong sản xuất hoặc nhập khẩu, cụ thể:

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây trong sản xuất hoặc nhập khẩu đối với hàng đóng gói sẵn:

a) Không ghi lượng của hàng đóng gói sẵn trên nhãn hàng hóa hoặc ghi không đúng quy định; không ghi, khắc đơn vị đo theo đơn vị đo pháp định;

b) Lượng của hàng đóng gói sẵn trên nhãn hàng hóa không phù hợp với tài liệu đi kèm, hoặc ghi lượng của hàng đóng gói sẵn không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường do tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu công bố, hoặc không phù hợp với

yêu cầu kỹ thuật đo lường do cơ quan có thẩm quyền quy định;

c) Không có giấy chứng nhận đủ điều kiện, sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng hóa hoặc bao bì của hàng hóa đóng gói sẵn nhóm 2 hoặc giấy chứng nhận đã hết hiệu lực;

d) Thể hiện dấu định lượng trên nhãn hàng hóa hoặc bao bì của hàng hóa không đúng theo quy định.

2. Mức phạt tiền đối với hành vi sản xuất hoặc nhập khẩu hàng đóng gói sẵn mà lượng của hàng đóng gói sẵn đó có giá trị trung bình nhỏ hơn giá trị trung bình cho phép theo yêu cầu kỹ thuật đo lường do tổ chức, cá nhân công bố hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định để thu lợi bất hợp pháp được quy định như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp có được đến 10.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp có được từ trên 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp có được từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp có được từ trên 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 01 lần đến 02 lần số tiền thu lợi bất hợp pháp có được trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp có được từ trên 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 02 lần đến 03 lần số tiền thu lợi bất hợp pháp có được trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp có được từ trên 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 03 lần đến 04 lần số tiền thu lợi bất hợp pháp có được trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp có được từ trên 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 04 lần đến 05 lần số tiền thu lợi bất hợp pháp có được trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp có được trên 500.000.000 đồng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này./.

NGHỊ ĐỊNH SỐ 57/2018/NĐ-CP: CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Ngày 17/4/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Theo Nghị định, những doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư và Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư sẽ được hưởng nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích của Nhà nước.

Các doanh nghiệp trên sẽ được Nhà nước ưu đãi và hỗ trợ thông qua miễn, giảm tiền sử dụng đất; miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước; hỗ trợ tập trung đất đai; tiếp cận, hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường; hỗ trợ đầu tư cơ sở: Bảo quản, chế biến nông sản;

giết mổ gia súc, gia cầm; chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; sản xuất sản phẩm phụ trợ; Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt; cung cấp dịch vụ công và đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Nghị định này có nhiều nội dung bổ sung mới so với Nghị định 210/2013/NĐ-CP như: Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 05 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 10 năm tiếp theo. Hỗ trợ 05 triệu đồng/doanh nghiệp có trang thông tin điện tử quốc gia là có sản phẩm đã đăng lên trang thông tin điện tử quốc gia. Doanh nghiệp hình thành theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP có xây dựng nhà máy chế biến được hỗ trợ bổ sung 50 triệu đồng/ha và không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Cùng với đó, Nghị định cũng có nhiều quy định mới như sau:

Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

Ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành: Mức hỗ trợ bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu, thời gian tối đa 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; tối đa 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư; doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm; Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án. Các công trình xây dựng trên đất (bao gồm cả nhà lưới, nhà kính, nhà màng và công trình thủy lợi) của doanh nghiệp đầu tư được tính là tài sản để thế chấp vay vốn tại các ngân hàng thương mại.

Hỗ trợ nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao

Hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả

nghiên cứu khoa học; 70% kinh phí thực hiện dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư và 50% kinh phí đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư và dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm mới. Doanh nghiệp được giao toàn bộ quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ sau khi các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu và ưu tiên triển khai sản phẩm khoa học công nghệ. Dự án nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô được hỗ trợ 80% kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị. Doanh nghiệp có dự án sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, trồng thử nghiệm cây trồng mới được hỗ trợ 70% chi phí để xây dựng cơ sở hạ tầng. Doanh nghiệp đầu tư các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị.

Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công và đầu tư kết cấu hạ tầng

Hỗ trợ 03 triệu đồng/m³/ngày đêm công suất cho xây mới hoặc 02 triệu đồng/m³/ngày đêm công suất cho nâng cấp cải tạo nhà máy cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn; Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đường ống chính dẫn đến các khu vực dân cư có từ 10 hộ trở lên. Hỗ trợ 60% chi phí mua thiết bị, xây dựng hệ thống xử lý không quá 05 tỷ đồng/dự án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt tại nông thôn; thu gom xử lý chất thải làng nghề, nông thôn. Hỗ trợ 200 triệu đồng/ha để xây dựng hạ tầng dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô tối thiểu 05 ha trở lên. Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư dự án xây dựng bến cảng phục vụ vận chuyển sản phẩm nông lâm thủy sản, hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, công trình thủy lợi. Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn có 100 lao động trở lên làm việc thường xuyên, được hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động

mức hỗ trợ là 01 triệu đồng/m² xây dựng đối với nhà cấp IV, hỗ trợ 02 triệu đồng/m² xây dựng đối với nhà 02 tầng trở lên. Hỗ trợ bổ sung 70% chi phí và không quá 05 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục bên ngoài hàng rào dự án chưa có đường giao thông đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước để phục vụ dự án.

Nghị định ban hành đã khắc phục những bất cập của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, với mục tiêu tăng cường nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Nghị định 57/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 17/4/2018./.

NGHỊ ĐỊNH SỐ 58/2018/NĐ-CP: KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM THỰC HIỆN BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Ngày 18/4/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp, Nghị định 58/2018/NĐ-CP gồm 5 chương, 40 điều và có hiệu lực thi hành từ ngày 05/6/2018.

Nghị định này quy định về bảo hiểm nông nghiệp và chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp nhằm khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân sản xuất trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại về tài chính do các rủi ro xảy ra trong quá trình sản xuất.

Nghị định 58/2018/NĐ-CP áp dụng đối với:

1- Tổ chức, cá nhân sản xuất trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp).

2- Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (sau đây gọi tắt là

doanh nghiệp bảo hiểm), doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và quy định pháp luật có liên quan.

3- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp.

Nghị định quy định rõ về Hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp; Đồng bảo hiểm nông nghiệp; Tái bảo hiểm nông nghiệp; Bồi thường bảo hiểm nông nghiệp; Giải quyết tranh chấp; Quy tắc, Điều Khoản, biểu phí bảo hiểm nông nghiệp...

Tại Điều 12 Nghị định nêu rõ về trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trong giao kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp như sau:

1. Giải thích và cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, quy tắc, Điều Khoản, biểu phí bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ thực hiện giao kết hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp khi bên mua bảo hiểm xác nhận đã hiểu rõ các nội dung liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, quy tắc, Điều Khoản, biểu phí bảo hiểm nông nghiệp.

2. Thực hiện giao kết hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm; bảo đảm nguyên tắc số đông bù số ít và chủ động thực hiện phân tán, chia sẻ rủi ro thông qua các phương thức đồng bảo hiểm và tái bảo hiểm nông nghiệp.

3. Chủ động thực hiện kiểm soát rủi ro, đề phòng, hạn chế tổn thất và phòng, chống gian lận bảo hiểm theo quy định tại Mục 2 Chương II Nghị định này.

4. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, kịp thời cử cán bộ tiếp cận đối tượng bảo hiểm và hướng dẫn người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp hạn chế tổn thất (nếu có). Chi trả các chi phí cần thiết, hợp lý để hạn chế tổn thất.

5. Tổ chức công tác giám định tổn thất để xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất công khai, minh bạch theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp và quy định pháp luật. Trường hợp bảo hiểm theo chỉ số, thu thập công bố, xác nhận của cơ quan chức năng về sự kiện bảo hiểm (nếu có thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm); tổ chức công tác xác định mức độ chênh lệch chỉ số thực tế so với chỉ số được bảo hiểm đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

6. Trường hợp xác định tổn thất thuộc trách nhiệm bồi thường, cử cán bộ hướng dẫn người được bảo hiểm các hồ sơ, tài liệu cần cung cấp để phục vụ công tác giải quyết bồi thường.

7. Trả tiền bồi thường đầy đủ cho người được bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp và quy định pháp luật.

8. Thực hiện các trách nhiệm khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp và quy định pháp luật.

Ngoài ra, Nghị định còn quy định rõ trách nhiệm của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm trong giao kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp; Việc kiểm soát rủi ro, đề phòng, hạn chế tổn thất và phòng, chống gian lận bảo hiểm cũng như chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp;...

NGHỊ ĐỊNH SỐ 39/2018/NĐ-CP: TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Ngày 11/3/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó, Nghị định quy định rõ tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tại Điều 6 của Nghị định 39/2018/NĐ-CP nêu rõ: doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa.

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định.

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải

là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định.

Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế và quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực có doanh thu cao nhất. Trường hợp không xác định được lĩnh vực có doanh thu cao nhất, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực sử dụng nhiều lao động nhất.

Ngoài ra, Nghị định còn đưa ra các nội dung như xác định lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa; Xác định số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; Xác định tổng nguồn vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa; Xác định tổng doanh thu của doanh nghiệp nhỏ và vừa; Xác định và kê khai doanh nghiệp nhỏ và vừa;...

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2018/NĐ-CP: PHẠT ĐẾN 200 TRIỆU ĐỒNG VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÂN BÓN

Ngày 16/4/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón. Theo đó, mức phạt tiền tối đa cho một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón đối với cá nhân là 100 triệu đồng, đối với tổ chức là 200 triệu đồng.

Trong đó, người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất phân bón không có trình độ đại học trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học; hoặc không tuân thủ thời hạn thu hồi phân bón theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì sẽ bị phạt tiền từ 10 - 15 triệu đồng.

Phạt tiền từ 60 - 70 triệu đồng đối với hành vi sản xuất phân bón có yếu tố hạn chế vượt mức giới hạn tối đa. Mức phạt tiền đến 80 triệu đồng đối với hành vi vi phạm quy định về Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón/Giấy phép sản xuất phân bón cao.

Phạt tiền từ 80 - 90 triệu đồng đối với hành vi sản xuất phân bón không có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam có giá trị dưới 200 triệu đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100 triệu đồng trừ trường hợp sản xuất phân bón để nghiên cứu, khảo nghiệm; phân bón sản xuất trong khuôn khổ dự án sản xuất thử nghiệm, chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ trong thời gian thực hiện dự án, chương trình.

Đối với hành vi sản xuất phân bón không có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam có giá trị 200 triệu đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100 triệu đồng trở lên trừ trường hợp sản xuất phân bón để nghiên cứu, khảo nghiệm; phân bón sản xuất trong khuôn khổ dự án sản xuất thử nghiệm, chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ trong thời gian thực hiện dự án, chương trình thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm sang cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định; trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì phạt tiền từ 90 - 100 triệu đồng./.

Tổng hợp, biên tập: Trần Phương

TẠO DÁNG SẢN PHẨM

1. Kiểu dáng công nghiệp

Kiểu dáng công nghiệp là gì?

Khoản 13, điều 4, Luật số 36/2009/QH1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Sở hữu trí tuệ quy định. Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

Theo quy định này, một kiểu dáng công nghiệp của một sản phẩm chỉ nhắc đến khía cạnh thẩm mỹ và làm đẹp của sản phẩm. Mặc dù kiểu dáng của một sản phẩm có thể có những đặc tính chức năng hay kỹ thuật, kiểu dáng công nghiệp, như đã phân loại trong luật sở hữu trí tuệ, chỉ nhắc đến bản chất thẩm mỹ của một sản phẩm hoàn thiện, và phân biệt với khía cạnh chức năng, kỹ thuật.

Kiểu dáng công nghiệp liên quan đến rất nhiều sản phẩm công nghiệp, mốt quần áo và thủ công mỹ nghệ từ dụng cụ, thiết bị kỹ thuật, y tế đến đồng hồ, đồ trang sức và các đồ dùng đất tiền khác, từ đồ gia dụng, đồ chơi, đồ gỗ và đồ điện đến ô tô và công trình kiến trúc, từ các sản phẩm may mặc đến các thiết bị, dụng cụ thể thao. Kiểu dáng công nghiệp cũng quan trọng đối với bao bì, vật đựng và kiểu cách của sản phẩm. Theo quy tắc chung, kiểu dáng công nghiệp bao gồm:

- Các đặc điểm dấu hiệu ba chiều, như hình dáng của sản phẩm
- Các đặc điểm hai chiều như bản vẽ họa tiết, đường nét hoặc màu sắc của sản phẩm
- Sự kết hợp của một hoặc nhiều đặc điểm đó.



Ví dụ: Kiểu dáng công nghiệp
2 chiều



Ví dụ: Kiểu dáng công nghiệp
3 chiều

Các kiểu dáng sáng tạo trong kinh doanh

Các doanh nghiệp thường đầu tư một lượng thời gian và nguồn lực đáng kể nhằm mục đích tăng sự hấp dẫn về hình thức sản phẩm của họ. Các kiểu dáng mới và độc đáo thường được tạo ra nhằm:

- *Điều chỉnh sản phẩm của mình hấp dẫn với một bộ phận người tiêu dùng cụ thể:* Một số thay đổi nhỏ đối với kiểu dáng sản phẩm (ví dụ đồng hồ) có thể làm cho chúng thích hợp với các nhóm khách hàng với độ tuổi, tập tục văn hóa hoặc xã hội khác nhau. Trong khi chức năng chính của đồng hồ vẫn giữ nguyên, trẻ em và người lớn nói chung có sở thích hoàn toàn khác nhau về kiểu dáng.

- *Thiết lập một thị trường cạnh tranh mới:* Trong môi trường cạnh tranh, nhiều công ty tìm cách tạo ra một thị trường cạnh tranh bằng cách giới thiệu các kiểu dáng sáng tạo đối với các sản phẩm của họ nhằm phân biệt với các sản phẩm cùng loại của các đối thủ cạnh tranh. Đó có thể là các sản phẩm dụng như khóa, giày dép, cốc, tách đến các sản phẩm đắt tiền như đồ trang sức, máy tính hoặc ô tô.

- *Củng cố nhãn hiệu:* các kiểu dáng sáng tạo thường được

kết hợp với các nhãn hiệu hàng hóa khác biệt nhằm nâng cao khả năng phân biệt của (các) nhãn hiệu. Nhiều công ty đã rất thành công trong việc tạo ra và xác định hình ảnh nhãn hiệu bằng cách chú trọng nhiều vào kiểu dáng sản phẩm.

Tại sao cần phải bảo hộ kiểu dáng công nghiệp?

Kiểu dáng công nghiệp làm gia tăng giá trị của sản phẩm. Nó làm cho sản phẩm thu hút và hấp dẫn đối với khách hàng và thậm chí có thể là yếu tố duy nhất làm cho sản phẩm bán chạy. Vì vậy việc bảo hộ các kiểu dáng có giá trị phải chiếm một vị trí quan trọng trong chiến lược kinh doanh của bất cứ nhà thiết kế hay nhà sản xuất nào.

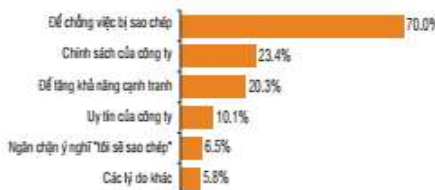
Thông qua việc nộp đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp tại các cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia hoặc khu vực, chủ kiểu dáng được độc quyền ngăn cấm các hành vi sao chép hoặc bắt chước của người khác. Điều này có ý nghĩa đối với hoạt động kinh doanh vì qua đó doanh nghiệp nâng cao được khả năng cạnh tranh và thường mang lại doanh thu bổ sung theo các cách sau:

- Bằng cách đăng ký bảo hộ kiểu dáng, bạn có thể ngăn cấm việc sao chép hoặc bắt chước bởi các đối thủ cạnh tranh và nhờ đó nâng cao vị thế cạnh tranh của bạn trên thị trường.
- Việc đăng ký kiểu dáng góp phần thu hồi vốn đã đầu tư cho việc tạo ra và quảng cáo, tiếp thị sản phẩm liên quan và nhờ đó tăng lợi nhuận của bạn.
- Kiểu dáng công nghiệp là tài sản kinh doanh làm tăng giá trị thương mại và sản phẩm của công ty. Kiểu dáng thành công bao nhiêu thì giá trị của công ty càng cao bấy nhiêu.
- Kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ có thể được cấp li xăng (hoặc bán) cho người khác để thu tiền. Bằng cách cấp li

xã bạn, có thể thâm nhập vào các thị trường mà trước đó bạn không thể.

- Việc đăng ký kiểu dáng công nghiệp khuyến khích cạnh tranh lành mạnh mà thương mại trung thực và nhờ đó tạo ra các chủng loại sản phẩm phong phú, hấp dẫn về thẩm mỹ.

Lý do bảo hộ kiểu dáng công nghiệp tại Liên minh Châu Âu



Nguồn: OHIM, Nghiên cứu triển vọng về nhu cầu đăng ký kiểu dáng trong phạm vi Liên minh châu Âu

2. Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp

Bằng cách nào để đạt được sự bảo hộ kiểu dáng công nghiệp?

Tại hầu hết các nước, để được bảo hộ kiểu dáng công nghiệp phải được đăng ký theo quy định của luật kiểu dáng công nghiệp.

Để đăng ký kiểu dáng công nghiệp bạn phải nộp đơn tại **Cơ quan sở hữu công nghiệp quốc gia** của nước mà bạn muốn kiểu dáng công nghiệp của mình được bảo hộ.

Cần lưu ý một số nước hoặc các khu vực kinh tế chung như Liên minh châu Âu. Gần đây, pháp luật của họ có quy định về khả năng bảo hộ hạn chế đối với các **kiểu dáng không đăng ký** với thời hạn là 3 năm tính từ ngày kiểu dáng đó được công bố tại Liên minh châu Âu.

Kiểu dáng không đăng ký tạo cơ hội cho các công ty kiểm nghiệm sản phẩm của họ trên thị trường trước khi quyết định đăng ký tất cả các kiểu dáng công nghiệp, trong đó có nhiều kiểu dáng có thể sẽ không thành công trên thị trường. Ngoài ra, một số kiểu dáng có thể tồn tại trên thị trường với thời gian rất ngắn, đặc biệt là trong ngành công nghiệp tạo mốt. Đối với sản phẩm đó, kiểu dáng không đăng ký là một lựa chọn thay thế có ý nghĩa. Tuy nhiên, mỗi khi một sản phẩm được chế tạo, các nhà thiết kế có 12 tháng để đăng ký kiểu dáng. Việc bảo hộ kiểu dáng không đăng ký bị hạn chế bởi lẽ việc bảo vệ quyền đối với chúng khó hơn nhiều so với kiểu dáng đăng ký và thời hạn bảo hộ chúng cũng ngắn hơn nhiều, chỉ có 3 năm thay vì 25 năm đối với kiểu dáng đăng ký tại Liên minh Châu Âu.

Trong khi tài liệu hướng dẫn này chỉ đề cập chủ yếu đến kiểu dáng đăng ký, cũng cần phải chỉ ra rằng tại một số nước, có thể có các phương thức bảo hộ thay thế khác đối với kiểu dáng công nghiệp:

- Phụ thuộc vào luật quốc gia cụ thể và loại hình kiểu dáng, một phương thức thay thế đó là bảo hộ kiểu dáng theo **luật quyền tác giả**. Nói chung quyền tác giả xác định độc quyền đối với các tác phẩm văn học và nghệ thuật. Vì một số kiểu dáng, tại một số nước, có thể được coi là tác phẩm nghệ thuật hoặc mỹ thuật ứng dụng, vì vậy có thể áp dụng hình thức bảo hộ quyền tác giả đối với các kiểu dáng đó và đây cũng là một phương án lựa chọn thay thế đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Ngoài ra, tại một số nước, nếu một kiểu dáng công nghiệp thực hiện chức năng của một nhãn hiệu trên thị trường, thì kiểu dáng đó có thể được bảo hộ như một **nhãn hiệu ba chiều**. Đây là trường hợp khi hình dáng hoặc bao bì của sản phẩm được xem là có khả năng phân biệt.

• Luật về **cạnh tranh không lành mạnh** cũng có thể là một chọn lựa thay thế để các công ty bảo vệ kiểu dáng công nghiệp chống việc bắt chước bởi các đối thủ cạnh tranh.

Chủ kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ được hưởng những quyền gì?

Khi một kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ, chủ kiểu dáng có **quyền ngăn cấm mọi hành vi sao chép hoặc bắt chước trái phép** bởi các bên thứ ba. Nội dung của quyền này là ngăn cấm người khác **sản xuất, chào bán, nhập khẩu, xuất khẩu hoặc bán** bất kỳ sản phẩm nào có chứa hoặc sử dụng kiểu dáng. Pháp luật và thực tiễn của một nước hoặc khu vực xác định phạm vi bảo hộ kiểu dáng đăng ký.

Cái gì có thể được đăng ký kiểu dáng công nghiệp?

Theo quy tắc chung, để có thể được đăng ký, kiểu dáng công nghiệp phải đáp ứng một hoặc một số yêu cầu cơ bản sau đây, phụ thuộc vào luật quốc gia của từng nước:

• Kiểu dáng đó nhất thiết phải **“mới”**. Một kiểu dáng được coi là mới nếu không có một kiểu dáng nào trùng với kiểu dáng đó đã được công bố cho công chúng trước ngày nộp đơn.

• Kiểu dáng đó nhất thiết phải **“nguyên gốc”**. Một kiểu dáng được coi là nguyên gốc nếu nó được nhà thiết kế tạo ra một cách độc lập và không sao chép hoặc bắt chước các kiểu dáng đang được bảo hộ.

• Kiểu dáng đó nhất thiết phải có **“đặc điểm riêng”**. Yêu cầu này phải được coi là thỏa mãn nếu ấn tượng chung của một người sử dụng về kiểu dáng đó khác với ấn tượng chung của người đó về bất kỳ một kiểu dáng nào đã được công bố cho công chúng trước đó.

Theo thông lệ, các kiểu dáng có khả năng bảo hộ là các sản phẩm như hình dáng của đôi giày, kiểu dáng của khuyên tai hoặc trang trí của ấm trà. Tuy nhiên, trong **thời đại kỹ thuật số**, tại một số nước, việc bảo hộ dần dần được mở rộng sang một số sản phẩm khác và một số loại kiểu dáng khác. Các sản phẩm đó bao gồm các hình tượng trên màn hình máy tính, kiểu chữ đánh máy, biểu diễn đồ thị trên màn hình máy tính và điện thoại di động, v.v.

Cái gì không thể bảo hộ kiểu dáng công nghiệp?

Các kiểu dáng không được đăng ký tại nhiều nước thường bao gồm:

- Các kiểu dáng không đáp ứng yêu cầu về tính mới, tính nguyên gốc và/hoặc đặc điểm riêng (như đã giải thích trên đây).

- Kiểu dáng được coi là quyết định hoàn toàn bởi **chức năng kỹ thuật** của sản phẩm; các đặc điểm kỹ thuật hoặc chức năng của kiểu dáng cũng có thể được bảo hộ theo các đối tượng sở hữu trí tuệ khác tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể (ví dụ như sáng chế, mẫu hữu ích hoặc bí mật thương mại).

- Các kiểu dáng chứa các **biểu tượng hoặc ký hiệu chính thức** đang được bảo hộ (chẳng hạn như quốc kỳ).

- Các kiểu dáng được xem là **trái với trật tự hoặc đạo đức xã hội**.

Ngoài ra, cần lưu ý rằng một số nước không bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đối với **các sản phẩm thủ công mỹ nghệ** bởi vì pháp luật của các nước đó quy định rằng sản phẩm mang kiểu dáng phải là sản phẩm công nghiệp hoặc có thể được thay thế bằng “phương tiện công nghiệp”.

Phụ thuộc vào pháp luật quốc gia, có thể còn có nhiều đối tượng khác không được bảo hộ kiểu dáng công nghiệp. Một lời khuyên ở đây là bạn nên hỏi tư vấn từ một công ty đại diện sở hữu trí tuệ hoặc cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia liên quan.

Bạn đăng ký kiểu dáng bằng cách nào?

Để đăng ký một kiểu dáng tại nước mình, bạn phải tiến hành các bước sau:

- Khai **mẫu đơn đăng ký** do cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia của bạn cung cấp bao gồm tên của bạn, các thông tin chi tiết để liên hệ và các **bản vẽ, và/hoặc ảnh chụp của (các) kiểu dáng** đó (các mẫu chuẩn thường được xác định rõ).

- Tại một số nước, có thể bạn phải nộp, hoặc tùy chọn để nộp bản **mô tả kiểu dáng hoặc tài liệu xác định tính mới** của (các) kiểu dáng. Bản mô tả thường phải là bản mô tả kiểu dáng chứ không phải là bản mô tả sản phẩm sử dụng kiểu dáng đó. Cần phải phân biệt kiểu dáng với các kiểu dáng tương tự trước đó một cách chính xác và đầy đủ. Phải bao quát tất cả các đặc điểm mỹ thuật khác biệt của kiểu dáng và nêu rõ (các) đặc điểm nào là quan trọng nhất. Tại một số nước, xét nghiệm viên có thể yêu cầu cung cấp mẫu kiểu dáng để hiểu rõ hơn về nó hoặc để nhận biết về kết cấu hoặc vật liệu.

- Bạn cũng sẽ phải nộp khoản **lệ phí nộp đơn theo quy định**.

- Bạn có thể chọn một công ty đại diện sở hữu trí tuệ giúp bạn trong việc nộp đơn và hoàn tất các thủ tục đăng ký. Trong trường hợp này, bạn phải nộp **giấy ủy quyền của bạn cho người đại diện**.

Một số cơ quan sở hữu trí tuệ tiến hành đăng bạ kiểu dáng chỉ sau khi kiểm tra các thủ tục hình thức. Các cơ quan khác có

thể tiến hành xét nghiệm nội dung kiểu dáng bằng cách tra cứu các kiểu dáng đã có trong cơ sở dữ liệu của họ để xác định tính mới của kiểu dáng và/hoặc tính nguyên gốc. Ngày càng nhiều cơ quan chấp nhận đăng ký kiểu dáng mà không cần xét nghiệm tính mới và/hoặc tính nguyên gốc.

Mỗi khi được đăng ký, kiểu dáng được ghi nhận vào đăng bạ quốc gia, được công bố trong công báo kiểu dáng và được cấp một **giấy chứng nhận đăng ký kiểu dáng công nghiệp**. Tại một số nước/khu vực có thể yêu cầu **hoãn công bố**, trong trường hợp có kiểu dáng được giữ bí mật trong một thời hạn nhất định theo quy định của nước tương ứng. Việc hoãn công bố thường phục vụ cho chiến lược kinh doanh.

Mất bao nhiêu thời gian để đăng ký một kiểu dáng?

Phụ thuộc vào từng cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia, quá trình đăng ký một kiểu dáng thường kéo dài từ 6 đến 12 tháng hoặc lâu hơn nữa nếu có sự phản đối của xét nghiệm viên hoặc có sự phản đối trước khi đăng ký kiểu dáng.

Giữ bí mật kiểu dáng trước khi đăng ký có ý nghĩa quan trọng như thế nào?

Nếu bạn muốn bảo vệ kiểu dáng của bạn theo một hệ thống đăng ký, việc giữ bí mật kiểu dáng đó là cực kỳ quan trọng. Lý do là ở chỗ yêu cầu trọng tâm để kiểu dáng được bảo hộ là kiểu dáng đó nhất thiết phải “mới”. Nếu bạn bộc lộ kiểu dáng của bạn cho người khác, bạn nên có điều khoản thỏa thuận bằng văn bản với người đó về việc giữ bí mật kiểu dáng đó.

Một kiểu dáng đã được bộc lộ cho công chúng biết thông qua việc quảng cáo trong catalogue hoặc tập sách giới thiệu sản phẩm của công ty bạn, sẽ không còn được coi là “mới”. Kiểu dáng đó đã trở thành tài sản của công chúng và vì thế không

được bảo hộ, trừ khi pháp luật quy định “thời hạn được hưởng quyền ưu tiên” hoặc trừ khi có yêu cầu về quyền ưu tiên.

“Thời hạn được hưởng quyền ưu tiên” là gì?

Tại sao một số nước pháp luật quy định thời hạn được quyền ưu tiên đối với việc đăng ký thương hiệu là 6 tháng hoặc 1 năm tính từ ngày kiếu dáng được công khai, bộc lộ hoặc công bố.

Đó là các trường hợp khi các sản phẩm mang kiếu dáng đó được bán, trưng bày tại phòng trưng bày, triển lãm hội chợ, hoặc được công bố trong catalogue, sách giới thiệu quảng cáo trước khi nộp đơn. Trong thời hạn đó, bạn vẫn có thể tiêu thụ kiếu dáng đó trên thị trường mà không bị mất tính mới và bạn vẫn có thể nộp đơn đăng ký.

Tuy nhiên, vì đây không phải là trường hợp xảy ra đối với tất cả các nước và thường bị giới hạn về thời gian, nên cần phải giữ bí mật kiếu dáng cho đến khi bạn nộp đơn đăng ký kiếu dáng đó. Hơn nữa, bạn sẽ không được độc quyền đối với kiếu dáng đó trong thời hạn được hưởng quyền ưu tiên (mặc dù kiếu dáng của bạn có thể được bảo hộ tự động theo luật quyền tác giả hoặc luật chống cạnh tranh không lành mạnh, tùy thuộc vào các quy định của luật quốc gia).

Thời hạn bảo hộ kiếu dáng công nghiệp là bao lâu?

Thời hạn bảo hộ kiếu dáng công nghiệp khác nhau giữa các nước, nhưng thường ít nhất là 10 năm (mặc dù thường là dài hơn; chẳng hạn, 14 năm đối với bằng độc quyền tại Hoa Kỳ, và tối đa là 25 năm đối với kiếu dáng cộng đồng tại Liên minh châu Âu). Tại nhiều nước, chủ kiếu dáng phải gia hạn hiệu lực kiếu dáng của họ sau 5 năm.

Chi phí cho việc bảo hộ kiếu dáng công nghiệp là bao nhiêu?

Chi phí thực tế sẽ rất khác nhau giữa nước này với nước khác. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải nắm được các chi phí có thể phát sinh trong quá trình đó:

1. Bạn sẽ phải nộp **các khoản lệ phí đăng ký** cho cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia hoặc khu vực. Các khoản lệ phí này thường khác nhau phụ thuộc vào số lượng kiểu dáng đăng ký và số lượng các nước mà kiểu dáng được đăng ký bảo hộ.

Ví dụ, đơn đăng ký một kiểu dáng cộng đồng tại 15 nước của Liên minh châu Âu, sẽ phải trả 350 Euro. Khoản lệ phí này có thể tăng lên tới mức 1.925 Euro nếu đơn đó bao gồm 10 kiểu dáng. Bạn có thể yêu cầu công ty đại diện của bạn hoặc các cơ quan sở hữu trí tuệ liên quan cung cấp các thông tin chi tiết về các khoản phí và lệ phí.

2. Còn có các **chi phí khác liên quan đến việc sử dụng dịch vụ của công ty đại diện sở hữu trí tuệ** trong quá trình đăng ký nếu bạn muốn nhờ tư vấn chuyên gia để nộp đơn của bạn.

3. Hầu hết các nước đều có quy định rằng chủ kiểu dáng phải trả **lệ phí gia hạn hiệu lực**, thường là cho thời hạn 5 năm, để duy trì độc quyền của họ đối với kiểu dáng đó.

4. Cũng có thể phải chịu chi phí **dịch** đơn đăng ký kiểu dáng khi đăng ký kiểu dáng ra nước ngoài.

Bạn phải làm gì nếu kiểu dáng của bạn kết hợp cải tiến về chức năng với các đặc điểm mỹ thuật?

Để có độc quyền đối với các **cải tiến về chức năng** của sản phẩm, nói chung bạn nên đăng ký bảo hộ **sáng chế** hoặc **mẫu hữu ích** hoặc khi chức năng đó không hiển nhiên đối với sản phẩm, bạn nên bảo hộ dưới dạng **bí mật kinh doanh**. Tuy nhiên, thông thường, một sản phẩm mới thường kết hợp các cải

tiên về chức năng với các đặc điểm mỹ thuật sáng tạo. Giả sử bạn có một kiểu dáng mới của điện thoại di động. Trong khi điện thoại di động là kết quả của cả một chuỗi các cải tiến đối với các linh kiện điện tử và có thể được bảo hộ dưới dạng sáng chế và kiểu dáng độc đáo của bạn có thể được đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp. Liệu bạn có thể nộp đơn đăng ký cả hai đối tượng không? Câu trả lời là có.

Bảo hộ kiểu dáng và chiến lược kinh doanh

Quyết định về việc đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp bằng cách nào, khi nào và ở đâu có thể sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các lĩnh vực quản lý khác đối với kiểu dáng. Vì vậy, điều cực kỳ quan trọng là phải lồng gán, kết hợp vấn đề bảo hộ kiểu dáng công nghiệp với chiến lược kinh doanh tổng thể của doanh nghiệp. Ví dụ, hình thức bảo hộ, chi phí, hiệu quả của việc bảo hộ và vấn đề quyền sở hữu đối với kiểu dáng có thể là các yếu tố cần cân nhắc, xem xét khi quyết định:

- Tự thực hiện việc thiết kế kiểu dáng hoặc thuê một cơ quan bên ngoài;
- Thời điểm bắt đầu sử dụng kiểu dáng mới trong việc quảng cáo, tiếp thị hoặc trưng bày tại triển lãm;
- Thị trường xuất khẩu chính;
- Khi nào thì cấp li-xăng hoặc chuyển nhượng kiểu dáng cho các công ty khác khai thác thương mại để đổi lấy khoản thu nhập kinh tế.

Nhiều nhà thiết kế bảo hộ các khía cạnh khác nhau của sản phẩm của họ đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ khác nhau. Tuy nhiên điều quan trọng là phải ghi nhớ sự khác biệt cơ bản giữa sáng chế/mẫu hữu ích và kiểu dáng công nghiệp.

Sáng chế và mẫu hữu ích là những sáng chế mang lại sự cải tiến chức năng đối với một sản phẩm và việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp chỉ liên quan đến hình dáng bên ngoài của sản phẩm.

Ai có thể nộp đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp?

Nói chung, người tạo ra kiểu dáng hoặc, nếu làm việc theo hợp đồng thì là cơ quan chủ quản, có quyền nộp đơn đăng ký kiểu dáng. Người nộp đơn có thể là một cá nhân (chẳng hạn, nhà thiết kế) hoặc một pháp nhân (chẳng hạn một công ty). Trong cả hai trường hợp, đơn đăng ký kiểu dáng có thể làm trực tiếp hoặc thông qua một công ty đại diện được cơ quan sở hữu trí tuệ của nước đó cấp phép hoạt động.

Ai là người sở hữu quyền đối với một kiểu dáng công nghiệp?

Người tạo ra kiểu dáng, tức là nhà thiết kế, thường là chủ sở hữu đầu tiên của kiểu dáng, trừ một số tình huống đặc biệt. Ví dụ, tại hầu hết các nước, nếu một **người làm công** tạo ra một kiểu dáng trong thời hạn hợp đồng lao động, tức là trong giờ làm việc của họ tại doanh nghiệp đó và là một nhiệm vụ được giao tại xí nghiệp, kiểu dáng đó (và cả các quyền liên quan) sẽ thuộc về doanh nghiệp chủ quản hoặc có thể phải chuyển nhượng bằng một hợp đồng chuyển nhượng.

Ví dụ: DURACELL

Cho đến những năm thập kỷ 1980 Duracell là công ty chỉ đơn thuần sản xuất một loại sản phẩm đó là pin kiềm. Năm 1981, Duracell thuê các nhà thiết kế tư vấn để sản



Duracell ®

xuất đèn nháy bỏ túi, loại đèn đó được đưa ra thị trường năm 1982. Hai năm sau, kiểu dáng đèn nháy này đã đoạt giải của Hội đồng Thiết kế Vương quốc Anh. Trong những năm đó, Duracell đã tung ra thị trường một số phương án thể hiện của đèn nháy bỏ túi với các kiểu dáng khác nhau nhằm vào các thị trường trọng điểm khác nhau. Đèn nháy bỏ túi dành cho người tiêu dùng là thanh thiếu niên được thiết kế theo một với nhiều màu sắc. Các đặc điểm chức năng sáng tạo của sản phẩm được bảo hộ dưới dạng sáng chế, trong khi đó kiểu dáng được bảo hộ tại các nước lớn là thị trường tiêu thụ sản phẩm của Duracell.

Nếu kiểu dáng được thuê thiết kế bởi một **nhà thiết kế bên ngoài trên cơ sở hợp đồng**, các quyền liên quan đến kiểu dáng đó thuộc về công ty thuê thiết kế. Trong các trường hợp đó, kiểu dáng được xem là sáng tạo để phục vụ nhu cầu sử dụng của người đặt thiết kế kiểu dáng, và vì vậy người đó là chủ kiểu dáng. Để tránh việc hiểu lầm gây tranh cãi sau này, trong hợp đồng ban đầu cần làm rõ vấn đề chủ sở hữu đối với kiểu dáng. Bạn cũng cần lưu ý rằng, theo luật quyền tác giả, nhà thiết kế sản phẩm đó có thể được hưởng quyền tác giả đối với bản vẽ thiết kế kiểu dáng một cách tự động, và vì thế vấn đề này cũng phải được đưa vào hợp đồng.

Bạn có thể nộp đơn đăng ký cho nhiều kiểu dáng khác nhau được không?

Câu trả lời là rất khác nhau, tùy thuộc vào quy định của từng nước. Tại nhiều nước bạn có thể nộp một đơn đăng ký nhiều kiểu dáng (10, 20 hoặc thậm chí 50 kiểu dáng) chừng nào các kiểu dáng đó liên quan đến một sản phẩm hoặc “nhóm” sản phẩm.

Ví dụ: TRAX

TRAX là một bộ ghế ngồi công cộng được Rodney Kinsman thiết kế và được bán và tiếp thị bởi Công ty OMK Design. Bộ

ghế ngồi công cộng TRAX ban đầu được thiết kế để đáp ứng yêu cầu của Ngành đường sắt Vương quốc Anh, với các tiêu chí là hệ thống ghế ngồi công cộng phải có kiểu dáng đẹp, tiện nghi, không bị tác động của thời tiết và ít phải bảo dưỡng. Trong nhiều năm, TRAX đã trở thành một sản phẩm rất thành công, một phần nhờ thiết độc đáo và tiện dụng của nó và TRAX đã được lắp đặt tại trên 60 sân bay trên khắp thế giới.



Được phép của: TRAX®

Kiểu dáng của TRAX được đăng ký bảo hộ tại Vương quốc Anh, Australia, các nước thuộc khối Benelux, Đức, ITALY, Nhật Bản và Hoa Kỳ.

Nhờ việc đăng ký bảo hộ, Công ty OMK Design đã có được quyền trong việc khai thác thương mại kiểu dáng đó tại các nước này. Trong một số trường hợp, Công ty OMK Design đã cấp li-xăng cho các công ty nước ngoài sản xuất hệ thống ghế ngồi công cộng TRAX để có được một khoản thu đáng kể.

Điều này có nghĩa là nếu bạn thiết kế kiểu dáng của một bộ gồm bàn, ghế, chén bát và muốn bảo hộ chúng, nhiều nước sẽ cho phép bạn chỉ nộp một đơn duy nhất cho tất cả các vật dụng này, bạn sẽ chỉ phải nộp lệ phí cho một đơn bởi chúng cùng thuộc một nhóm sản phẩm. Tuy nhiên, nếu bạn định bảo hộ cả chiếc đèn kèm theo, có khả năng bạn sẽ bị yêu cầu phải nộp một đơn riêng biệt. Trong thực tế, đèn không cùng một nhóm sản phẩm với bàn, ghế và chén bát. Nhìn chung, cho dù mỗi kiểu dáng bổ sung đều phải nộp thêm phí, khoản phí này về cơ bản vẫn ít hơn chi phí nộp đơn riêng biệt cho từng kiểu dáng.

Tuy vậy, ở một số nước, có thể bạn phải nộp một đơn riêng biệt cho mỗi kiểu dáng. Trong khi giới hạn chỉ có thể nộp một

đơn cho một kiểu dáng duy nhất, nhiều nước trong số này lại cho phép một vài phương án đối với kiểu dáng đó; một số nước khác lại cho phép các ngoại lệ đối với quy tắc “kiểu dáng duy nhất” nếu tất cả các kiểu dáng đều liên quan đến một “bộ vật dụng”.

- Ví dụ: hai chiếc khuyên tai sẽ được coi là **các phương án** của một kiểu dáng nếu chúng chỉ khác nhau ở chỗ một chiếc là khuyên kẹp và chiếc kia là khuyên xỏ lỗ. Để được coi là các phương án của cùng một kiểu dáng, các phương án phải được áp dụng đối với cùng một vật dụng và phải không khác biệt cơ bản với nhau.

- Mặt khác, “**bộ**” được định nghĩa là gồm các vật dụng có đặc điểm chung thường được bán hoặc được sử dụng cùng nhau, có các đặc điểm chung về kiểu dáng. Ví dụ, bộ dao gồm có thìa, đĩa và dao; bộ đồ gia dụng có thể gồm máy sấy tóc, đầu sấy và lược.

Như bạn thấy, có sự khác biệt rất lớn trong các quy định đối với đơn; để biết được những chi tiết chính xác về các yêu cầu và khả năng bảo hộ theo cách tiết kiệm chi phí nhất, bạn nên liên hệ với một đại diện sở hữu trí tuệ hoặc các cơ quan sở hữu trí tuệ có liên quan.

Hệ thống phân loại quốc tế

Nhìn chung, các kiểu dáng công nghiệp được phân thành các nhóm để dễ tra cứu. Có thể bạn sẽ được yêu cầu phải nêu rõ nhóm sản phẩm bạn định sử dụng kiểu dáng có liên quan trong đơn của mình. Nhiều nước sử dụng bảng phân loại trong Hiệp ước Locarno Thiết lập phân loại quốc tế kiểu dáng công nghiệp (Xem thêm tại: www.wipo.int/classifications/en/locarno/about)

Bạn có thể chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng công

nghiệp của mình được không?

Kiểu dáng công nghiệp được chuyển giao quyền sử dụng khi chủ sở hữu kiểu dáng (người chuyển giao) cho phép người khác (người nhận chuyển giao) sử dụng kiểu dáng vì bất cứ mục đích nào theo thỏa thuận giữa hai bên. Trong những trường hợp này, thường hai bên sẽ ký một **hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng** (hợp đồng li-xăng) trong đó nêu rõ các điều kiện và phạm vi của thỏa thuận.

Hợp đồng li-xăng thường có các điều khoản giới hạn các quốc gia nơi người nhận chuyển giao có thể sử dụng kiểu dáng, thời hạn chuyển giao và loại sản phẩm có thể sử dụng kiểu dáng. Để chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng ở nước ngoài, trước hết kiểu dáng của bạn phải được bảo hộ, hoặc đã nộp đơn xin bảo hộ, tại các nước liên quan.

Cho phép người khác sử dụng các kiểu dáng công nghiệp của mình thông qua một hợp đồng li-xăng sẽ đem lại cho công việc kinh doanh của bạn **thêm doanh thu** và là một cách phổ biến mà các công ty thường dùng để khai thác độc quyền các kiểu dáng đã được đăng ký của họ.

Thỏa thuận về việc cấp li-xăng đối với kiểu dáng công nghiệp thường nằm trong một hợp đồng li-xăng tổng quát hơn bao gồm tất cả các khía cạnh của sản phẩm (chứ không chỉ bao gồm các yếu tố trực quan).

Nguồn: noip.gov.vn

Tổng hợp, biên tập: Nguyễn Thị Hòa

DANH MỤC QUY CHUẨN KỸ THUẬT VIỆT NAM MỚI BAN HÀNH

TT	Loại văn bản/ Số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành
1	Quyết định 2482/QĐ-BYT của Bộ Y tế	Tài liệu hướng dẫn quy chuẩn kỹ thuật Thận nhân tạo	13/04/2018
2	Quyết định 6 0 8 / Q Đ - B N N T C L N của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hướng dẫn quy chuẩn kỹ thuật sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp trong khu vực rừng ven biển	13/02/2018
3	Thông tư 06/2018/TTB- GTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Định mức kinh tế - quy chuẩn kỹ thuật vận hành, khai thác và bảo dưỡng hệ thống báo động an ninh tàu biển	07/02/2018
4	Quyết định 737/QĐ-BYT của Bộ Y tế	Định mức kinh tế - quy chuẩn kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ điều trị vết thương bằng máy Plasma- Med	30/01/2018

QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Ngày 20/3/2018, 28/4/2018 và 13/4/2018, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 933/QĐ-BKHCN, 584/QĐ-BKHCN, 672/QĐ-BKHCN, 674/QĐ-BKHCN về việc công bố các Tiêu chuẩn Quốc gia sau:

Số hiệu/ Ngày ban hành	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
Quyết định số 933/QĐ- BKHCN (13/4/2018)	TCVN 11367-5:2018	Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Thuật toán mật mã – Phần 5: Mật mã dựa trên định danh.
	TCVN 12211: 2018	Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Yêu cầu kiểm thử cho mô đun mật mã
	TCVN 12212:2018	Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Phương pháp kiểm thử giảm thiểu các lớp tấn công không xâm lấn chống lại các mô đun mật mã
	TCVN 12213:2018	Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Chế độ hoạt động của mã khối n-bit
	TCVN 12214-1:2018	Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Chữ ký số kèm phụ lục – Phần 1: Tổng quan
	TCVN 12214-2:2018	Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Chữ ký số kèm phụ lục – Phần 2: Các cơ chế dựa trên phân tích số nguyên
	TCVN 12214-3:2018	Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Chữ ký số kèm phụ lục – Phần 3: Các cơ chế dựa trên logarit rời rạc

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Số hiệu/ Ngày ban hành	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
Quyết định số 584/QĐ-B K H C N (20/3/2018)	TCVN 12111:2018	Thực phẩm – Xác định vitamin B12 bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)
Quyết định số 672/QĐ-B K H C N (28/3/2018)	TCVN 5107:2018	Nước mắm
Quyết định số 674/QĐ-B K H C N (28/3/2018)	TCVN 12154: 2018	Thông tin địa lý – Khung dữ liệu ảo, ô lưới và phủ
	TCVN 12155:2018	Thông tin địa lý – Khuôn thức trao đổi dữ liệu địa lý

QUYẾT ĐỊNH HỦY BỎ TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Ngày 28/3/2018 Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành các Quyết định về việc hủy bỏ và công bố Tiêu chuẩn Quốc gia sau:

Số hiệu/ Ngày ban hành	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
Quyết định số 671/QĐ-BKH-CN (28/3/2018)	TCVN 5107:2003	Nước mắm

Nguồn: tcvn.gov.vn

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT MỚI BAN HÀNH

TT	Loại văn bản/ Số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành
1	Thông tư 05/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế	Danh mục thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm được xác định mã số hàng hóa	05/04/2018
2	Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Sửa đổi Quyết định 53/2013/QĐ-TTg về tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam	01/03/2018
3	Thông tư 05/2018/TTBCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Quy định về xuất xứ hàng hóa	03/04/2018
4	Quyết định số 1471/QĐ-BYT của Bộ Y tế	Công bố danh mục thuốc có tài liệu chứng minh tương đương sinh học - Đợt 19	27/02/2018
5	Thông tư 04/2018/TTBCT của Bộ Công thương	Quy định về việc không áp dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối và trứng gia cầm có xuất xứ từ các nước ASEAN	02/04/2018

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

TT	Loại văn bản/ Số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành
6	Thông tư số 02/2018/TTBCT của Bộ trưởng Bộ Công thương	Quy định chi tiết danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới	27/02/2018
7	Thông tư số 01/2018/TTBKHT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được	30/03/2018
8	Quyết định số 99/QĐ-QLD của Cục trưởng Cục Quản lý dược	Danh mục 846 thuốc sản xuất trong nước được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 160	22/02/2018
9	Quyết định số 633/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Kế hoạch thực hiện công ước quốc tế trong lĩnh vực hàng hải mà Việt Nam là thành viên và triển khai gia nhập các văn kiện của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO)	30/03/2018
10	Quyết định số 537/QĐ-BCT của Bộ Công thương	Sửa đổi Quyết định 3283/QĐ-BCT về áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với một số mặt hàng thép hình chữ H có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	09/02/2018

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

TT	Loại văn bản/ Số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành
11	Quyết định số 183/QĐ-QLD của Cục Quản lý Dược	Danh mục 01 thuốc sản xuất trong nước được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 160	29/03/2018
12	Thông tư số 02/2018/TT-BXD của Bộ Xây dựng	Quy định bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng	06/02/2018
13	Quyết định số 987/QĐ-BNN	Phê duyệt đề án liên kết sản xuất giống cá	20/03/2018
14	Quyết định số 608/QĐ-BNN-TC-LN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hướng dẫn quy chuẩn kỹ thuật sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp trong khu vực rừng ven biển	13/02/2018
15	Thông tư số 06/2018/TTB-GTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Định mức kinh tế - quy chuẩn kỹ thuật vận hành, khai thác và bảo dưỡng hệ thống báo động an ninh tàu biển	07/02/2018
16	Quyết định số 737/QĐ-BYT của Bộ Y tế	Định mức kinh tế - quy chuẩn kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ điều trị vết thương bằng máy Plasma-Med	30/01/2018

Nguồn: tbt.gov.vn

MÁY CHO CÁ ĂN TỰ ĐỘNG TÍCH HỢP CÔNG NGHỆ IoT

Một vấn đề mà người nuôi cá hiện nay quan tâm là khâu rải thức ăn cho cá. Vì khi thức ăn được rải nhiều cá sẽ không sử dụng hết, gây lãng phí và ô nhiễm môi trường, còn khi thiếu sẽ không đảm bảo cho sự sinh trưởng của cá. Để giải quyết vấn đề này, các nhà khoa học thuộc Công ty Cổ phần công nghệ CVTECH đã nghiên cứu sản xuất thành công máy cho cá ăn tự động tích hợp công nghệ IoT.



Máy được kết hợp với bộ điều khiển trung tâm giúp người nuôi có thể cho cá ăn một cách hoàn toàn tự động mà vẫn đảm bảo không bị thừa lượng thức ăn. Cụ thể với bộ điều khiển trung tâm người nuôi có thể thiết lập thời gian mở hoặc tắt máy, thời gian mỗi lần cho ăn qua smartphone; máy có thể nhắc nhở khi lượng thức ăn còn lại trong máy sắp hết; bật/tắt đèn chiếu sáng hồ cá qua smartphone. Bên cạnh đó, máy còn có tiếng chuông reo lên mỗi lần cho ăn giúp cá hình thành thói quen tự hợp lại xung quanh khu vực có thức ăn, ăn hết thức ăn, tránh tình trạng thừa thức ăn, gây lãng phí và ô nhiễm môi trường.

Chi tiết xin liên hệ: Công ty Cổ phần công nghệ CVTECH; Số 81/9 đường số 2, phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh; Tel: 028.38973268/0986945335; Email: cvtechco@gmail.com; Website: www.iotechpro.com

Nguồn: khoa hoc va cong nghe viet nam .com .vn

THIẾT KẾ VÀ CHẾ TẠO BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐẦU ĐỐT TANG SẤY CỐT LIỆU TRONG TRẠM TRỘN BÊ TÔNG NHỰA NÓNG

Việc nghiên cứu hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo bộ điều khiển đầu đốt tang sấy, làm tiền đề cho việc tiến tới chế tạo cả bộ đầu đốt vừa có tính khoa học vừa có tính thiết yếu cho mảng trạm trộn trong nước. Bên cạnh đó, việc sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng đang là một trong những vấn đề cấp thiết và có ý nghĩa to lớn đối với không chỉ riêng Việt Nam mà với toàn thế giới.

ThS. Trần Văn Hùng, Viện nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hóa, Bộ Công Thương đứng đầu tiếp tục tiến hành triển khai dự án sản xuất thử nghiệm: “Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo bộ điều khiển đầu đốt tang sấy cốt liệu trong trạm trộn bê tông nhựa nóng” nhằm làm chủ việc thiết kế chế tạo bộ điều khiển đầu đốt tang sấy cốt liệu trong trạm trộn bê tông nhựa nóng, đồng thời chế tạo và cung cấp cho các nhà chế tạo đầu đốt 25 bộ điều khiển đầu đốt tang sấy trong thời gian 3 năm với phương án sản xuất: 2014: 3 bộ; 2015: 7 bộ; 2016: 15 bộ. Kết quả chính như sau: Về sản phẩm đã chế tạo đủ 10 bộ điều khiển đầu đốt kiểu mới với các tính năng ổn định nhiệt độ vật liệu theo giá trị đặt thông qua; Điều khiển quạt gió hướng trục 11 kW bằng biến tần; Điều khiển bơm phun dầu 2.2 kW bằng biến tần. Mức điều chỉnh ngọn lửa $\geq 1:10$; Giám sát nhiệt độ và áp suất dầu, nhiệt độ khí thải; Chế độ Auto/Manual. Đã xây dựng và hoàn chỉnh được các tài liệu sau: 01 Bộ tài liệu thiết kế và qui trình công nghệ chế tạo; 01 Bộ tài liệu hướng dẫn lắp đặt, vận hành và sử dụng. Ngoài ra, các kết quả nghiên cứu của dự án có thể được mở rộng và áp dụng không chỉ riêng cho một đối tượng cụ thể là đầu đốt trạm trộn mà có thể ứng dụng cho nhiều đối tượng khác trong công nghiệp đốt.

Chi tiết xin liên hệ: ThS. Trần Văn Hùng, Viện nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hóa, Bộ Công Thương

Nguồn: vista.gov.vn

Tổng hợp, biên tập: Hải Yến

NHỮNG RỦI RO PHÁP LÝ STARTUP CẦN BIẾT

Khi triển khai ý tưởng kinh doanh, các doanh nhân khởi nghiệp thường tập trung vào thị trường và doanh số. Nhưng để doanh nghiệp (DN) khởi nghiệp có những bước đi vững chắc, hạn chế rủi ro, sẵn sàng cho khả năng huy động vốn đầu tư thì hiểu biết luật pháp là điều cần thiết.

1. Hùn hạp triển khai dự án

Có rất nhiều doanh nhân, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ, khởi nghiệp bằng cách “hùn hạp kinh doanh” với các cộng sự mà không thành lập DN. Chỉ cần các sáng lập viên hùn tiền và công sức để triển khai dự án, khi nào có nhà đầu tư rót vốn thì mới bắt đầu quan tâm đến việc hình thành pháp nhân.

Dưới góc độ pháp lý, các thỏa thuận của các sáng lập viên lúc này là thỏa thuận dân sự và thường sơ sài nên khi xảy ra các xung đột liên quan đến việc góp vốn, sử dụng vốn, quyền sở hữu tài sản, phân chia lợi ích... sẽ không có cơ sở để giải quyết.

Những người sáng lập nên rõ ràng ngay từ đầu về các điều khoản hợp tác, phương pháp làm ăn với nhau, có như vậy mới có thể giải quyết khi công ty có sự cố.

Các nhà đầu tư tự do thường đầu tư khi công ty ở giai đoạn bắt đầu phát triển. Khi đó, họ không quan tâm đến việc thành lập DN như thế nào mà chỉ để ý đến dự án có mô hình chuẩn, đội ngũ tốt và “luật chơi” rõ ràng hay không. Nếu DN có đủ các yếu tố trên thì cơ hội tiếp cận các nhà đầu tư khá cao.

2. Các chấp thuận cần thiết

Các chủ DN trẻ thường sẽ đối mặt với rất nhiều mối bận tâm về kinh doanh, vì thế, những việc về pháp lý và hành chính không được ưu tiên. Chỉ khi đối tác, khách hàng có yêu cầu thì DN mới gấp rút thực hiện, dẫn đến đôi khi bị vượt mất cơ hội làm ăn.

Trong kinh doanh, cần chuẩn bị các giấy tờ liên quan đến

ngành nghề, vốn, đáp ứng một hoặc nhiều điều kiện kinh doanh. Đối với một số lĩnh vực kinh doanh, các giấy phép chuyên ngành (giấy phép con) là điều kiện bắt buộc.

3. Vi phạm quyền sở hữu trí tuệ

Các ý tưởng về sản phẩm, dịch vụ độc đáo và khác biệt sẽ tiếp cận thị trường nhanh chóng và việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm, dịch vụ đó cần bắt đầu ngay khi triển khai dự án hoặc ngay sau khi DN được thành lập.

Tại Việt Nam, các vi phạm về sở hữu trí tuệ, hàng giả, hàng nhái là vấn đề làm các DN đau đầu. Việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ không chỉ đảm bảo cho DN độc quyền sử dụng tài sản của mình mà còn là cơ sở để thực hiện việc khiếu nại, khiếu kiện khi cần thiết.

Các mô hình kinh doanh nhượng quyền thương mại, phát triển chuỗi hay thu hút đầu tư càng phải quan tâm đến vấn đề này. Tùy vào từng loại hình sản phẩm, dịch vụ, doanh nhân khởi nghiệp nên quan tâm đến việc bảo hộ bản quyền tác giả, nhãn hiệu, bằng sáng chế, giải pháp hữu ích..

4. Xung đột giữa các chủ sở hữu

Các tranh chấp liên quan đến xung đột cổ đông, chủ sở hữu ít khi diễn ra tại thời điểm khởi nghiệp mà thường xuất hiện khi dự án đã ổn định, mang lại doanh thu cao, nhưng các bên không kiểm soát các vướng mắc ngay từ đầu.

Để tránh tình trạng này, các thành viên sáng lập cần có những thỏa thuận cổ đông hay thỏa thuận thành viên rõ ràng ngay khi thành lập DN và đưa vào điều lệ công ty.

Trong một số trường hợp, các nội dung thỏa thuận không được cơ quan chức năng chấp thuận tại bản Điều lệ, hoặc các thỏa thuận mang tính bảo mật, nhạy cảm... thì các bên cần linh hoạt đưa vào các nghị quyết, quy định trong nội bộ công ty, miễn là không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội.

5. Lựa chọn sai mô hình công ty

Lựa chọn mô hình công ty là một trong những yếu tố cơ bản về xác lập quy chế pháp lý đặc thù đi kèm từng mô hình. Trong đó, những vấn đề pháp lý quan trọng cần lưu ý gồm: các chế độ trách nhiệm quản lý tài sản, vốn, cơ cấu bộ máy tổ chức, phân chia lợi ích trong công ty.

Những người khởi nghiệp thường hay chọn mô hình công ty cổ phần vì họ cho rằng dễ huy động vốn đầu tư khi có cơ hội. Nhưng thực tế, với các DN khởi nghiệp, mô hình này có nhiều hạn chế so với công ty trách nhiệm hữu hạn.

Với hình thức cổ phần, sau 3 năm thành lập, các cổ đông sáng lập được quyền chuyển nhượng cổ phần nhưng tại thời điểm đó, công ty chưa thật sự ổn định về kinh doanh và tổ chức mà thay đổi “người đầu tàu” thì sẽ ảnh hưởng đến DN. Còn với mô hình trách nhiệm hữu hạn, DN sẽ ổn định và có thể thay đổi loại hình kinh doanh phù hợp khi công ty đã phát triển.

6. Tranh chấp hợp đồng, giao dịch

Khi ký kết hợp đồng, phần lớn các chủ DN trẻ thường chú ý đến các điều khoản về thương mại (giá, thanh toán và hàng hóa) mà không quan tâm đến các điều khoản pháp lý như các cam kết, quyền và nghĩa vụ của các bên, biện pháp chế tài, phương án xử lý khi có vướng mắc phát sinh...

Vì thế, khi xảy ra tranh chấp, các DN khởi nghiệp thường bị thiệt hại. Cách tốt nhất là nên nhờ chuyên gia soạn thảo các bản hợp đồng mẫu để sử dụng trong đàm phán, ký kết với đối tác, hoặc trong trường hợp dùng hợp đồng đề xuất từ đối tác cũng nên biết các điểm cần lưu ý.

7. Tuân thủ quy định về thuế, kế toán

Nghĩa vụ thuế được căn cứ trên ba nguyên tắc: chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn. Trong trường hợp kinh doanh không thành lập DN thì cần tuân thủ việc nộp thuế thu nhập cá nhân,

nếu đơn vị chi trả thu nhập khấu trừ tại nguồn thì cần quyết toán thuế hằng năm.

Khi thành lập DN, cần chú ý kê khai thuế ban đầu, xem xét việc kê khai và đóng các loại thuế tùy theo hoạt động kinh doanh của DN. Có ba loại thuế cơ bản là: thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập DN.

Ngoài ra, liên quan đến hoạt động sản xuất, sản phẩm đặc thù hoặc quy trình kinh doanh của DN còn có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế xuất - nhập khẩu... Việc chậm nộp, trễ hạn, kê khai sai hoặc kê khai thiếu luôn là rắc rối dẫn đến thiệt hại cho DN nếu không biết cách xử lý hoặc xử lý muộn.

8. Huy động vốn đầu tư

Một trong những cách nhanh nhất để phát triển nguồn lực là tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân thông qua phương thức huy động.

Các nhà đầu tư tự do và các quỹ đầu tư thường quan tâm đến tiềm năng của dự án, tính cam kết của đội ngũ và các yếu tố cấu thành sự thành công của dự án. Tuy nhiên, vấn đề hồ sơ pháp lý và việc tuân thủ các quy định pháp luật cũng là điều cần lưu tâm nếu muốn các giao dịch thành công.

Tóm lại, nếu các doanh nhân khởi nghiệp cứ cố gắng “chạy” theo doanh số mà không am hiểu luật pháp, các quy định cơ bản và các rủi ro tiềm ẩn trong giai đoạn ban đầu thì hậu quả phát sinh là hoàn toàn có cơ sở.

Các chủ DN nên phân bổ nguồn lực để tìm hiểu luật lệ và nắm bắt các thay đổi của luật pháp trong kinh doanh. Họ cũng cần được luật sư có kinh nghiệm tư vấn ngay giai đoạn bắt đầu triển khai ý tưởng kinh doanh.

Trừ trường hợp chọn hình thức kinh doanh thời vụ và “tay ngang”, còn với những ai khởi nghiệp để làm giàu bền vững thì chú tâm đến quản trị rủi ro pháp lý và tuân thủ là vấn đề bắt buộc.

7 CÔNG TY KHỞI NGHIỆP CỦA VIỆT NAM VÀO VÒNG BÁN KẾT CHƯƠNG TRÌNH TĂNG TỐC KHỞI NGHIỆP MIST 2018

Chương trình Sáng kiến Hỗ trợ Khởi nghiệp Du lịch vùng Mê Kông (MIST) vừa công bố danh sách 19 công ty khởi nghiệp bước vào vòng bán kết của chương trình Tăng tốc Khởi nghiệp MIST 2018. Việt Nam có 7 công ty khởi nghiệp lọt vào vòng bán kết này...



Khởi nghiệp du lịch thu hút nhiều startup Việt

Các công ty khởi nghiệp này sẽ tham gia Trại Huấn luyện Khởi nghiệp Du lịch Nền tảng của MIST từ ngày 17-22/5 tại TP HCM, Việt Nam. Kết thúc thời gian huấn luyện, 5 công ty xuất sắc nhất sẽ nhận được giải thưởng của chương trình gồm: hỗ trợ tiền mặt lên tới 10.000 USD, 06 tháng huấn luyện và cố vấn chuyên sâu, một chuyến gặp gỡ với các chuyên gia đầu ngành tại Diễn đàn Du lịch vùng Mê Kông (MTF) ở Nakhon Phanom, Thái Lan và một cơ hội thuyết trình với các nhà đầu tư ở Singapore.

Chương trình Tăng tốc Khởi nghiệp của MIST với mục tiêu

thúc đẩy sự phát triển của các startup và công ty đổi mới sáng tạo hoạt động trong ngành công nghệ du lịch, dịch vụ-khách sạn và du lịch truyền thống. Chương trình được tài trợ bởi Chính phủ Úc trong khuôn khổ hợp tác với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), MIST cũng nhận được rất nhiều sự hỗ trợ từ Dự án Sáng kiến Hỗ trợ Khu vực Tư nhân vùng Mê Kông (MBI) - một dự án do Chính phủ Úc và ngân hàng ADB đồng tài trợ, Destination Mekong và Văn phòng Điều phối Du lịch Mê Kông (MTCO).

“Các thành viên Ban giám khảo của chúng tôi gồm những nhà đầu tư và chuyên gia đầu ngành đã phải rất khó khăn để đưa ra những quyết định tuyển chọn từ hơn 100 hồ sơ tham gia chương trình Tăng tốc Khởi nghiệp của MIST. 19 công ty khởi nghiệp được chọn là những đại diện xuất sắc nhất cho khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Họ là những startup có mô hình kinh doanh có tính đổi mới sáng tạo, tiềm năng tăng trưởng đột phá và có khả năng tác động tích cực lên cộng đồng địa phương cũng như triển vọng giải quyết các thách thức mà ngành du lịch khu vực đang gặp phải...” – ông Jason Lusk, Giám đốc chương trình MIST cho hay.

Trong số 19 startup được chọn để đi tiếp cùng chương trình Tăng tốc Khởi nghiệp MIST, Việt Nam dẫn đầu với 7 startup, tiếp đến là Campuchia có 6 startup, Myanmar có 3 startup, Thái Lan 2 startup và CHDCND Lao có 1 startup .

7 startup của Việt Nam gồm:

Dichoichung kết nối các du khách, tạo điều kiện để họ chia sẻ các kinh nghiệm du lịch, tìm người đi chung nhằm chia sẻ chi phí cùng nhiều dịch vụ khác.

ECOHOST cung cấp hệ thống, ứng dụng điện thoại và dữ liệu về đối tác đã được chọn lựa kỹ càng để hỗ trợ việc đặt homestay trực tuyến.

Go Explore tổ chức các chương trình “làm việc-nghỉ dưỡng”

hướng tới đối tượng là các cá nhân có mong muốn làm việc từ xa ở trong và ngoài nước cũng như cung cấp dịch vụ marketing doanh nghiệp cho các đối tác.

IM VENTURE VIETNAM tổ chức các tour giao lưu văn hóa kết nối giới trẻ địa phương và quốc tế thông qua các hoạt động mang tính cộng đồng.

Nest Nearby giúp cho du khách có nhu cầu đặt phòng vào phút chót tìm kiếm nơi ở dễ dàng hơn bằng cách kết nối với các phòng trống gần đó.

Offbeat.ai là một ứng dụng điện thoại có khả năng phân tích dữ liệu về các bài blog, bài báo về du lịch từ khắp nơi trên thế giới, từ đó lập kế hoạch du lịch phù hợp với mỗi cá nhân người dùng.

VDEs kết nối các đơn vị tổ chức sự kiện với các địa điểm, giúp hai bên đặt chỗ trực tuyến với nhau thông qua cơ sở dữ liệu của VDEs.

<http://baophapluat.vn>

Tổng hợp, biên tập: Trần Phương

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ **TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN**

Địa chỉ: 204 Hùng Vương - Đông Hà - Quảng Trị

1. Tư vấn, xây dựng cơ sở dữ liệu KH&CN, Trang thông tin, Cổng thông tin điện tử về KH&CN; xây dựng thư viện điện tử, thư viện số; số hóa tài liệu;
2. Xây dựng, phát triển, chuyển giao phần mềm đóng gói; Phần mềm chuyên ngành; Giải pháp mạng và truyền thông;
3. Tư vấn và triển khai xây dựng dự án, kế hoạch tổng thể ứng dụng và phát triển CNTT;
4. Tư vấn, hỗ trợ về đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ;
5. Tư vấn và đại diện pháp lý trong việc đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ;
6. Cung cấp thông tin về các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
7. Tư vấn, hỗ trợ làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu, mã số, mã vạch cho các sản phẩm.
8. Đào tạo, bồi dưỡng và thi chứng chỉ ứng dụng CNTT “Chuẩn kỹ năng CNTT” theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

Chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN Quảng Trị; Địa chỉ: 204 Hùng Vương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Điện thoại: 0233. 3850392; 0233. 3898779 hoặc ĐD: 0914133178; 0944202567.

QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG TRỊ

Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Quỹ) là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có chức năng tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước. Hoạt động của nhằm mục đích tài trợ, cấp kinh phí, cho vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của tỉnh; hỗ trợ, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Đối tượng được Quỹ cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

1. Đối tượng cấp kinh phí:

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp giao cho tỉnh trực tiếp quản lý;

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Đối tượng tài trợ: một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do tổ chức, cá nhân đề xuất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Đối tượng cho vay: các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Đối tượng hỗ trợ: các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh, nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh.

(Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thành lập và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị)

Giấy phép xuất bản số: 02/GP-XBBT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Trị. In 200 cuốn, khổ 13cm x 19cm tại Quảng Trị. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2018

Chịu trách nhiệm xuất bản: Trần Ngọc Lân - TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN Quảng trị.

Địa chỉ: 204 Hùng Vương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. ĐT: 0233. 3850 392